

### 93. Bà lão bắt gấu.

*Hòa Thượng Phổ Quang (Thích Thiện Huệ).*

Bà lão đang nằm dưới gốc cây nhắc thấy con gấu xông đến, bà lão chạy vòng quanh cây trốn, gấu một tay ôm cây tay kia chụp bà lão, trong lúc cấp bách bà lão vòng tay qua cây nắm chặt lấy hai tay gấu, khiến gấu không cử động được, khi ấy có người đi tới, bà lão nói “hãy hợp sức với tôi bắt gấu, thịt sẽ chia đôi”, người kia tin lời tới hợp lực nắm chặt tay gấu, bà lão liền thoát ra bỏ chạy, người kia sau đó bị gấu giết hại. Ai cũng chê người kia ngu.

Phàm phu cũng vậy làm các dị luận, đã chẳng hay ho, vẫn từ lại luộm thuộm thêm nhiều tư tưởng khiếm khuyết, chung cục không thành tác phẩm nên vứt bỏ đi. Người đời sau nhặt được muốn chú giải song không đạt ý mà còn ngược lại tâm trí phát sinh hồ đồ.

**Bình :** Ngã là nơi sản sinh và trưởng dưỡng tham sân si, tham có vô lượng thứ, tựu chung có sáu nhóm tham đối với sáu trần, mỗi trần có vô số loại nên có bằng ấy thứ tham trong mỗi trần, dụ như tham vị, người thích vị cay kẻ thích vị ngọt...tham nên muốn đoạt song chẳng phải chỉ có một người tham mà tất cả đều tham, chính vì vậy phát sinh tranh giành, được thì vui thua thì buồn, được phải chịu oán, thua phải chịu nhục. Cử chỉ động niệm nào của tham sân cũng thành nghiệp tội, đã là nghiệp tội tất nhiên phiền não và thọ quả báo theo nghiệp và phiền não, cứ như thế xoay vòng thành giòng sinh tử luân hồi.

Tùy theo nghiệp phiền não khác nhau thọ báo khác nhau, nghiệp là gốc cấu thành thân tâm và cảnh giới, vì vậy thân tâm ấy dĩ nhiên bị nghiệp dẫn dắt, và đương nhiên mọi tư duy và hành động của thân tâm đều thuộc nghiệp phiền não, cứ như thế chúng sinh không sao thoát khỏi vòng xoay của nghiệp, bị giam cầm trong nghiệp được đức Phật ví như bị nhốt trong nhà lửa, đến niệm ra còn không có, có đâu ngày ra. Song nghiệp khó xả, tâm xuất gia ra khỏi nhà lửa lại khó phát, nên ngay đến nhiều người cầu xuất gia tu hành chung cục vẫn bị nghiệp không chế ngay trong hình hài xuất gia. Những người thiên định tư duy các pháp ở thế gian như các hiền triết, đạo sĩ hay guru do nghiệp khác nhau nên tư duy có sai khác, mỗi người cho ra một lập luận, những lập luận này tùy theo căn tính dục của chúng sinh mà được đáp ứng và tin theo, nên tư tưởng nào cũng có tín đồ.

Tư tưởng có chân chính hay không, không thể phán xét qua số tín đồ mà chỉ phán xét qua vấn đề thật đức năng. Thật tức có chính xác không, nếu mơ hồ không thật thì vô giá trị không cần cứu xét nữa, nhưng như thế nào là chính xác thật, thật ắt phải có nguồn gốc minh chứng, không thể từ đá sinh ra như Tề thiên, dụ như thượng đế sáng tạo chủ nhưng luôn giấu mặt, ngay đến tín đồ cũng chẳng biết dung mạo ngài ra sao, trụ xứ thiên đường ở chốn nào, chỉ biết mọi thứ qua các nhà tiên tri, tiên tri bảo sao nghe vậy khá mơ hồ. Tiếp đến là đức tức có tính lợi ích cho muôn loài, thuần thiện không tham sân si. Sau cùng là năng, thuộc tính khả thi khả thành, dụ như khả thi là nổ bom giết người sẽ khả thành lên cõi thiên đường, điều này khá nghịch lý, có thể các luận sư kia hôn mê trong lúc lập luận nên lộn thiên đường với địa ngục, dùng cao tốc địa ngục để lên thiên đường, điều này quả thực không chỉ vô năng mà còn vô đức. Đáng tiếc đa số chúng sinh vô trí không thể phân biệt được thật đức năng nên chỉ tin theo những luận thuyết nào hợp với căn tính dục của mình, ngu nhân tất tin ngu luận, tham nhân tin vào tham luận và sân nhân tin nghe sân luận, chỉ trí nhân mới tin nổi trí luận, nhưng trí nhân luôn là thiểu số nên trí luận chính pháp cũng chỉ được thiểu số tin theo, vì vậy không thể đánh giá pháp nào là chính pháp qua số tín đồ, chỉ có thể xét giá trị chân chính qua ba yếu tố thật đức năng.

Những nhà tư tưởng thế gian tạo luận, vấn đề là luận nào là chính thuyết và luận nào là tà thuyết, các luận sư trong sự tranh luận hơn thua chỉ chứng minh với tín đồ đơn thuần bằng sự răn đe như hễ nghi ngờ là có tội không thể được thượng đế che chở và không thể lên thiên đường, còn nếu không tin ta là ngoại đạo chắc chắn xuống địa ngục, đa số tín đồ sợ hãi nên không dám nghi ngờ. Phật pháp luôn chứng minh chân chính bằng trí huệ, từ bi và công đức. Liễu tri hết mọi nhân quả là trí huệ, hiểu hết mọi nhân quả nên đoan nhất thiết ác, thành nhất thiết thiện. Nhiếp hết mọi loài, cứu khổ nạn không chừa một chúng sinh, lập nguyện độ tận chúng sinh đó là từ bi. Quán nhân quả của chúng sinh, tùy duyên đắc độ của hữu tình thực hành bi tâm lợi lạc nhất thiết chúng sinh, đó là công đức. Tính công đức và từ bi đó là nét đặc thù của Phật pháp, cứu không chừa một ai bất kể kẻ tin hay không tin, người ca ngợi hay kẻ hủy báng, người thiện hay kẻ ác thầy đều bình đẳng độ tận, và như vậy không phải chỉ Phật giáo độ mới được cứu mà ngay đến mọi tín đồ tôn giáo hay không tôn giáo đều được cứu, ngược lại đối với các tôn giáo khác lực từ bi và công đức không viên mãn như vậy vì chỉ cứu giúp những ai tin theo mà thôi.

Những tà thuyết dị đoan rải rác trong các tín ngưỡng dân gian của các quốc gia đều không có mây may tinh thần nào có thật đức và năng, chúng chỉ thuần là những “truyền thống vô bổ” được tạo ra từ mê tín như chém lợn giết bò mổ trâu tế thần để cầu phúc cho bản thân, những tư tưởng này ngược giòng nhân quả nên kết quả cũng ngược với ý muốn được phúc, làm ác mong quả phúc là hoang đường và phản khoa học, đừng quên khoa học rất tin nhân quả, khoa học được xây dựng toàn bộ trên lý nhân quả. Những người ôm giữ truyền thống mê tín cố gắng chứng minh cho giá trị của những thứ ấy chung cục đầu óc hỗn loạn hồ đồ theo cái giá trị hồ đồ của các lập luận tạo nên các truyền thống dở hơi nói trên. Những luận sư kia bỏ lại cái mê muội chết ta chết vật kia, giữ thì tạo thêm nghiệp xấu và gây chết chóc cho sinh linh, bỏ thì không dám, người văn minh hay có trí nhìn thấy chê cười như kẻ ngu vừa ôm cây vừa giữ chặt tay gấu không dám bỏ bị cười chê.